

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THANH XUÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **11/2020/DS-ST**

Ngày: 22/6/2020

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Hoàng Thị Thoa**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* **Ông Lý Anh Tuấn**

Ông Đặng Như Hùng

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Trần Thị Huyền Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2020/QĐXX-ST ngày 26 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Hoàng Thị L** – Sinh năm 1987

HKTT: Khu A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: **Anh Trương Công H** – Sinh năm 1985

HKTT: Số G Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

(Tại phiên tòa chị L có mặt, anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn là chị Hoàng Thị L trình bày:

Chị và anh Trương Công H là chỗ bạn bè quen biết chơi với nhau nên anh H có hỏi chị vay tiền để phục vụ chi tiêu cá nhân và gia đình. Ngày 29/9/2018 chị cho anh H vay số tiền 146.000.000đồng khi vay tiền anh H có viết giấy tờ vay nợ, hai bên có ký với bên cho vay là chị Hoàng Thị L và bên vay là anh Trương Công H. Hai bên thỏa thuận trong giấy vay tiền với thời hạn vay là 10 tháng kể từ ngày 29/9/2018 đến ngày 29/7/2019, thỏa thuận tính tiền lãi theo lãi

suất của Ngân hàng nhà nước và hai bên đều thống nhất miệng là 9%/năm, ngoài ra anh H còn cam kết nếu không trả được tiền sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Hết thời hạn ghi trong giấy vay tiền anh H không trả được cho chị tiền gốc và tiền lãi, chị đã nhiều lần gọi điện nói chuyện nhưng anh H lấy nhiều lý do để trốn tránh trách nhiệm trả nợ.

Nay chị khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh H phải trả chị số tiền vay nợ gốc là 146.000.000đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu đồng) và số tiền lãi tính theo lãi suất ngân hàng nhà nước là 9%/năm. Chị không yêu cầu tính lãi phạt chậm trả của khoản tiền nợ gốc quá hạn chưa trả; Chị yêu cầu tiếp tục tính lãi theo lãi suất 9%/năm đối với khoản tiền gốc mà anh H phải trả cho đến khi anh H trả xong khoản tiền gốc. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

* Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải tại Tòa án, bị đơn là anh Trương Công H trình bày:

Vợ anh là chị Ngô Thị N là chỗ bạn quen biết với chị Hoàng Thị L nên ngày 29/9/2018 anh có vay tiền của chị L với số tiền gốc là 146.000.000đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu đồng), khi vay có giấy tờ vay nợ, hai bên cùng ký vào giấy với bên cho vay là chị Hoàng Thị L và bên vay là anh, hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 10 tháng tính từ ngày 29/9/2018 đến ngày 29/7/2019, lãi suất hai bên thỏa thuận theo quy định lãi suất của Ngân hàng nhà nước, tuy không ghi mức lãi suất cụ thể nhưng hai bên thống nhất bằng miệng với nhau là 9%/năm. Kể từ thời điểm vay, mặc dù đã đến hạn thanh toán nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh chưa trả được số tiền nợ gốc và tiền lãi cho chị L. Nay chị L khởi kiện yêu cầu anh phải thanh toán số tiền nợ gốc là 146.000.000đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu đồng) và số tiền lãi tính theo lãi suất ngân hàng nhà nước 9%/năm, chị L không yêu cầu tính lãi phạt chậm trả mà chỉ tính khoản lãi 9% trên số nợ gốc chưa trả, anh đồng ý với số tiền nợ gốc và cách tính lãi của chị L và đề nghị mỗi tháng trả dần chị L 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) cho đến khi hết nợ gốc và lãi, chị L không đồng ý nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa.

Chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh H phải thanh toán trả số tiền nợ gốc 146.000.000đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu đồng), tính mức lãi suất 9%/năm kể từ ngày 29/9/2018 đến ngày xét xử 22/6/2020 là 20 tháng 23 ngày, cụ thể: $146.000.000\text{đồng} \times 9\%/năm / 12\text{ tháng} \times 20\text{ tháng} 23\text{ ngày} = 22.739.500\text{đồng}$. Tổng cộng cả gốc và lãi chị yêu cầu anh H phải trả là: $146.000.000\text{đồng} + 22.739.500\text{đồng} = 168.739.500\text{đồng}$ (Một trăm

sáu tám triệu bảy trăm ba chín nghìn năm trăm đồng). Chị đề nghị Tòa án tuyên buộc anh H tiếp tục phải trả tiền lãi kể từ ngày kể tiếp sau xét xử với mức lãi suất 9%/năm cho đến khi anh H trả xong phần nợ.

Tại phiên tòa anh H có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do bận công việc, anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và không bổ sung, thay đổi ý kiến như đã trình bày tại Tòa án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng.

[1.1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn trả số tiền vay nợ nên có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa hai bên là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn là anh Trương Công H hiện đang cư trú tại Quận Thanh Xuân nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Việc tham gia phiên tòa của Viện kiểm sát: Ngày 17/6/2020 Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân có văn bản về việc không tham gia phiên tòa theo căn cứ tại khoản 2, Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án không có đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân.

[1.3] Việc tham gia phiên tòa của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn là anh Trương Công H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, anh H có bản tự khai, tham gia đầy đủ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh H tham gia phiên tòa, ngày 17/6/2020 anh H có đơn đề nghị Tòa án xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H theo quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu anh H trả số tiền vay nợ gốc là 146.000.000đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu đồng) và số tiền lãi 9%/năm, chị L không yêu cầu tính lãi phạt chậm trả của khoản tiền nợ gốc quá hạn theo giấy vay tiền mà chỉ tính tiền lãi từ ngày 29/9/2018 đến ngày xét xử 22/6/2020 là 20 tháng 23 ngày, cụ thể: $146.000.000\text{đồng} \times 9\%/năm / 12\text{ tháng} \times 20\text{ tháng } 23\text{ ngày} = 22.739.500\text{đồng}$ (Hai mươi hai triệu bảy trăm ba chín nghìn năm trăm đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi chị yêu cầu anh H phải trả là: $146.000.000\text{đồng} + 22.739.500\text{đồng} = 168.739.500\text{đồng}$ (Một trăm sáu tám triệu bảy trăm ba chín nghìn năm trăm đồng).

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, chị L cung cấp cho Tòa án giấy vay tiền bản gốc đề ngày 29/9/2018 do anh H viết, hai bên cùng ký vào mục người cho vay là chị Hoàng Thị L, người vay tiền là anh Trương Công H, hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 10 tháng tính từ ngày 29/9/2018 đến ngày 29/7/2019, lãi suất thỏa thuận theo quy định lãi suất của Ngân hàng nhà nước là 9%/năm. Tại các bản tự khai và các biên bản hòa giải chị L, anh H đều xác nhận số tiền nợ gốc anh H phải trả là 146.000.000đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu đồng), hai bên đều thống nhất mức lãi suất theo quy định của Ngân hàng Nhà nước là 9%/năm; Anh H có đề nghị mỗi tháng trả chị L 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) nhưng chị L không đồng ý.

Như vậy, với nội dung và sự thỏa thuận nêu trên giữa hai bên đã xác nhận số tiền nợ gốc, thời hạn trả nợ, lãi suất vay. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 278 Bộ luật dân sự 2015 quy định “*Thời hạn thực hiện nghĩa vụ do các bên tự thỏa thuận, theo quy định của pháp luật...Bên có nghĩa vụ phải thực hiện đúng thời hạn*”; tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L về việc buộc anh H phải trả số tiền nợ gốc là 146.000.00đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu đồng) là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn là 9%/năm, thời hạn tính từ ngày 29/9/2018 đến ngày 22/6/2020 là 22.739.500đồng. Xét thấy, tại giấy vay tiền ngày 29/9/2018, hai bên có thỏa thuận mức lãi suất cho vay theo lãi suất ngân hàng nhà nước quy định là 9%/năm; Tại các biên bản hòa giải hai bên đều xác nhận mức lãi suất này là 9%/năm trên số dư nợ gốc 146.000.000đồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...*”.

Như vậy hai bên thỏa thuận mức lãi suất 9%/năm là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Kể từ thời điểm vay tiền đến nay anh H không trả tiền lãi cho nguyên đơn nên tính từ ngày 29/9/2018 đến ngày 22/6/2020 là 20 tháng 23 ngày, cụ thể: $146.000.000 \text{ đồng} \times 9\% / \text{năm} / 12 \text{ tháng} \times 20 \text{ tháng} 23 \text{ ngày} = 22.739.500 \text{ đồng}$ (Hai mươi hai triệu bảy trăm ba chín nghìn năm trăm đồng) là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Do anh H vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị L theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự; Do vậy yêu cầu của chị L buộc anh H phải thanh toán trả số tiền bao gồm nợ gốc và lãi là 168.739.500 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm ba chín nghìn năm trăm đồng) là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.436.975 đồng; Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: - Điều 357; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015

- Khoản 3 điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị L về việc yêu cầu buộc anh Trương Công H phải trả toàn bộ số tiền vay nợ.

Buộc anh Trương Công H có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền vay nợ cho chị Hoàng Thị L tính đến ngày 22/6/2020 là: **168.739.500 đồng** (Một trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm ba chín nghìn năm trăm ngàn đồng); Trong đó nợ

gốc là **146.000.000đồng** (Một trăm bốn sáu triệu đồng), nợ lãi **22.739.500đồng** (Hai mươi hai triệu bảy trăm ba chín nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 9%/năm.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trương Công H phải chịu 8.436.975đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho chị Hoàng Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.060.000đồng theo biên lai số AA/2018/0000037 ngày 05/05/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

[3]. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, chị L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Thanh Xuân;
- Chi cục THADS quận Thanh Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thoa

BÁO CÁO XÉT XỬ VỤ ÁN

DÂN SỰ

Ngày 22 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2020/QĐXX-ST ngày 26 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L – Sinh năm 1987

HKTT: Khu Trùng Chinh, thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Trương Công H – Sinh năm 1985

HKTT: Số 10, tập thể lữ đoàn 26, ngách 17/163 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn là chị Hoàng Thị L trình bày:

Chị và anh Trương Công H là chỗ bạn bè quen biết chơi với nhau nên anh H có hỏi chị vay tiền để phục vụ chi tiêu cá nhân và gia đình. Ngày 29/9/2018 chị cho anh H vay số tiền 146.000.000đồng, khi vay tiền anh H có viết giấy tờ vay nợ và ký với bên cho vay là chị Hoàng Thị L và bên vay là anh Trương Công H, Hai bên hỏa thuận trong giấy vay tiền với thời hạn vay là 10 tháng kể từ ngày 29/9/2018 đến ngày 29/7/2019 hai bên có thỏa thuận tính tiền lãi theo lãi xuất của Ngân hàng nhà nước, ngoài ra anh H còn cam kết nếu không trả được tiền sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tuy nhiên hết thời hạn ghi trong giấy vay tiền anh H không trả được cho chị tiền gốc và tiền lãi, chị đã nhiều lần gọi điện nói chuyện nhưng anh H lấy nhiều lý do để trốn tránh trách nhiệm trả nợ.

Nay chị khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh H phải trả chị số tiền vay nợ gốc là 146.000.000đồng và số tiền lãi tính theo lãi suất ngân hàng nhà nước 9%/năm, Chị không yêu cầu tính lãi phạt chậm trả của khoản tiền nợ gốc theo giấy vay tiền mà chỉ tính khoản lãi tính đến ngày xét xử là 20 tháng 23 ngày, cụ thể: $146.000.000\text{đồng} \times 9\%/năm \div 12 \text{ tháng} \times 20 \text{ tháng} 23 \text{ ngày} = 22.739.500\text{đồng}$. Tổng cộng cả gốc và lãi chị yêu cầu anh H phải trả tính đến ngày xét xử là: $1460.000.000\text{đồng} + 22.739.500\text{đồng} = 168.739.500\text{đồng}$. Chị yêu cầu tiếp tục tính lãi theo lãi suất 9%/năm đối với khoản tiền gốc mà anh H chưa trả cho đến khi anh H trả xong khoản tiền gốc. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

* Tại Bản tự khai và các biên bản hòa giải tại Tòa án, bị đơn là anh Trương Công H trình bày:

Vợ anh là chị Ngô Thị N là chỗ bạn quen biết với chị L, vào khoảng năm 2015 -2016 chị Ngọc có vay số tiền 200.000.000đồng của chị L nhưng do hoàn cảnh vợ chồng khó khăn nên không có khả năng thanh toán trả cho chị L. Đến năm 2017 chị L có khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Bắc Giang, tỉnh Hà Giang đòi số tiền vay, vợ chồng anh đã thanh toán trả cho chị L được một phần. Ngày 29/9/2018 anh H có viết giấy vay tiền của chị L với số tiền gốc là 146.000.000đồng, hai bên có ký vào giấy bên cho vay và bên vay, hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 10 tháng tính từ ngày 29/9/2018 đến ngày 29/7/2019, lãi suất hai bên thỏa thuận theo quy định lãi suất của Ngân hàng nhà nước, tuy không ghi mức lãi suất cụ thể nhưng hai bên thống nhất bằng miệng với nhau là 9%/năm. Kể từ thời điểm vay, mặc dù đã đến hạn thanh toán nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh chưa trả được số tiền nợ gốc và tiền lãi cho chị L, anh có đề nghị trả dần cho chị L mỗi tháng 5.000.000đồng tiền nợ gốc và lãi cho đến khi hết số tiền nợ nhưng chị L không đồng ý.

Nay chị L khởi kiện yêu cầu anh phải thanh toán số tiền nợ theo giấy vay nợ ngày 29/9/2018 với số tiền cụ thể gồm nợ gốc 146.000.000đồng và số tiền lãi tính theo lãi suất ngân hàng nhà nước 9%/năm, chị L không yêu cầu tính lãi phạt chậm trả của khoản tiền nợ gốc theo giấy vay tiền mà chỉ tính khoản lãi tính đến ngày xét xử là 20 tháng 23 ngày, cụ thể: $146.000.000\text{đồng} \times 9\%/năm \div 12 \text{ tháng} \times 20 \text{ tháng} 23 \text{ ngày} = 22.739.500\text{đồng}$. Tổng cộng cả gốc và lãi chị yêu cầu anh H phải trả tính đến ngày xét xử là: $1460.000.000\text{đồng} + 22.739.500\text{đồng} =$

168.739.500đồng, anh đồng ý với số tiền nợ gốc và cách tính lãi của chị L và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

QUAN ĐIỂM CỦA THẨM PHÁN

[1] Về tố tụng.

[1.1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn trả số tiền vay nợ nên có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa hai bên là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Bị đơn là anh Trương Công H hiện đang cư trú tại Quận Thanh Xuân nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về chứng cứ: Tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp chứng cứ ngày 26/5/2020 và tại phiên toà, các đương sự xác nhận: các tài liệu giao nộp đã đầy đủ trong hồ sơ vụ án, không còn tài liệu, chứng cứ nào khác cần giao nộp; không có yêu cầu xác minh thu thập thêm chứng cứ, không có yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng; các đương sự đã được tiếp cận toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do hai bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập; các đương sự không có ý kiến phản đối với các tài liệu do đương sự khác xuất trình tại Tòa án. Do vậy, các chứng cứ trong hồ sơ vụ án này đủ điều kiện là chứng cứ theo quy định tại Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu anh H trả số tiền vay nợ gốc là 146.000.000đồng và số tiền lãi $9\%/năm:12 \text{ tháng} = 0,75\%/tháng$, chị L không yêu cầu tính lãi phạt chậm trả của khoản tiền nợ gốc theo giấy vay tiền mà chỉ tính khoản lãi tính đến ngày xét xử là 20 tháng 23 ngày, cụ thể: $146.000.000\text{đồng} * 9\%/năm ./12 \text{ tháng} * 20 \text{ tháng} 23 \text{ ngày} = 22.739.500\text{đồng}$. Tổng cộng cả gốc và lãi chị yêu cầu anh H phải trả tính đến ngày xét xử là: $1460.000.000\text{đồng} + 22.739.500\text{đồng} = 168.739.500\text{đồng}$

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, chị L cung cấp cho Tòa án giấy vay tiền viết tay bản gốc ngày 29/9/2018 do anh H viết, hai bên cùng ký vào mục người cho vay là chị Hoàng Thị L, người vay tiền là anh Trương Công H, hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 10 tháng tính từ ngày 29/9/2018 đến ngày 29/7/2019, lãi suất hai bên thỏa thuận theo quy định lãi suất của Ngân hàng nhà nước. Tại các bản tự khai và các biên bản hòa giải chị L, anh H đều xác nhận số tiền nợ gốc anh H phải trả là 146.000.000đồng, hai bên đều thống nhất mức lãi suất theo quy định của Ngân hàng Nhà nước là $9\%/năm: 12 \text{ tháng} =$

0,75%/tháng; anh H đề nghị mỗi tháng trả chị L 5.000.000đồng nhưng chị L không đồng ý.

Như vậy với nội dung và sự thỏa thuận nêu trên giữa hai bên đã xác nhận số tiền nợ, lãi suất vay, thời hạn trả nợ. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 278 Bộ luật dân sự 2015 quy định “Thời hạn thực hiện nghĩa vụ do các bên tự thỏa thuận, theo quy định của pháp luật...Bên có nghĩa vụ phải thực hiện đúng thời hạn”; tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L về việc buộc anh H phải trả số tiền nợ gốc là 146.000.000đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn là 9%/năm:12 tháng = 0.75%/tháng, thời hạn tính từ ngày 29/9/2018 đến ngày 22/6/2020 là 22.739.500đồng. Xét thấy, tại giấy vay tiền ngày 29/9/2018, hai bên có thỏa thuận mức lãi suất cho vay theo lãi suất ngân hàng nhà nước quy định, hai bên thỏa thuận với nhau bằng miệng là 9%/năm, tại các biên bản hòa giải hai bên đều xác nhận mức lãi suất này là 9%/năm trên số dư nợ gốc 146.000.000đồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định “Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...” Như vậy hai bên thỏa thuận mức lãi suất 9%/năm là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Kể từ thời điểm vay tiền đến nay anh H không trả gốc và lãi cho nguyên đơn nên lãi suất được tính là 9%/năm:12 tháng, tính từ ngày 29/9/2018 đến ngày 22/6/2020 là 20 tháng 23 ngày trên số nợ gốc là 146.000.000đồng, cụ thể: 146.000.000đồng * 9%/năm ./12 tháng *20 tháng 23 ngày = 22.739.500đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Do anh H vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị L theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự, do vậy yêu cầu của chị L buộc anh H phải thanh toán trả số tiền nợ gốc là lãi là 168.739.500đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.436.975đồng; Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ điều luật:

Áp dụng: - Khoản 3 điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 357; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị L về việc yêu cầu buộc anh Trương Công H trả nợ vay.

Buộc anh Trương Công H có nghĩa vụ trả nợ cho chị Hoàng Thị L số tiền nợ tính đến ngày 22/6/2020 là 168.739.500đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm ba chín nghìn năm trăm ngàn đồng); Trong đó nợ gốc là 146.000.000đồng (Một trăm bốn sáu triệu đồng), nợ lãi 22.739.500đồng (Hai mươi hai triệu bảy trăm ba chín nghìn năm trăm đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất thỏa thuận là 9%/năm.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trương Công H phải chịu là 8.436.975đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho chị Hoàng Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.060.000đồng theo biên lai số AA/2018/0000037 ngày 05/05/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

[3]. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

[4]. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.